

**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỌC VIỆN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

ĐẶNG THU GIANG

**SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀO
QUY TRÌNH HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH KHOA HỌC,
CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRONG LĨNH VỰC
NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO Ở VIỆT NAM THEO MÔ HÌNH
CHÍNH SÁCH ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CHUYỂN ĐỔI
(TRANSFORMATIVE INNOVATION POLICY)**

**Ngành: Quản lý khoa học và công nghệ
Mã số: 9340412**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

HÀ NỘI - NĂM 2025

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI
HỌC VIỆN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

**Người hướng dẫn khoa học: 1. TS. BẠCH TÂN SINH
2. TS. TRẦN QUANG HUY**

Phản biện 1: PGS.TS. Lê Quang Cảnh

Phản biện 2: PGS.TS. Nguyễn Danh Nguyên

Phản biện 3: PGS.TS. Nguyễn Thế Chinh

**Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án
cấp Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo
*Vào hồi: 14h ngày 24 tháng 12 năm 2024***

Có thể tìm hiểu Luận án tại:

- Thư viện Quốc gia**
- Thư viện Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo**

MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài Luận án

Vai trò của sự tham gia của các bên liên quan (BLQ) vào quy trình hoạch định chính sách (HĐCS) khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST) trong lĩnh vực năng lượng tái tạo (NLTT) đối với nâng cao chất lượng chính sách đã được khẳng định về lý luận và thực tiễn do những đặc thù của hoạt động và chính sách KH,CN&ĐMST trong lĩnh vực NLTT.

Song theo các đánh giá chính thức của Đảng, Nhà nước và trong các báo cáo nghiên cứu, ở Việt Nam sự thiếu phối hợp của các BLQ trong xây dựng và thực hiện chính sách KH,CN&ĐMST dẫn đến sự thất bại trong thực hiện các quyết định chính sách, hạn chế tính hiệu quả của chính sách và gây thất bại trong định hướng chính sách. Nhằm khắc phục các hạn chế này, các nghiên cứu đề xuất chính sách của Việt Nam cần dựa trên cơ sở thực tiễn và sự tham gia của tất cả các BLQ trong phát triển, thực hiện và đánh giá chính sách để hỗ trợ cộng đồng hoạch định chính sách.

Những hạn chế về sự tham gia của các BLQ trong quy trình HĐCS không chỉ tồn tại ở Việt Nam, mà còn tồn tại ở nhiều quốc gia khác trên thế giới (OECD, 2014). Những năm gần đây, trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động không lường trước, các nhà nghiên cứu chính sách KH,CN&ĐMST ngày càng quan tâm đến các mô hình mới trong xây dựng chính sách KH,CN&ĐMST nhằm ứng phó những biến động nhanh, không lường trước và sự tham gia tích cực, rộng rãi của các BLQ là đặc điểm nổi bật của mô hình này. Mô hình mới có tên gọi là mô hình chính sách đổi mới sáng tạo (ĐMST) chuyển đổi (Transformative Innovation Policy-TIP).

Trong bối cảnh như vậy, việc nghiên cứu về sự tham gia của các BLQ vào quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST trong lĩnh vực NLTT theo mô hình chính sách ĐMST chuyển đổi, trong đó tập trung đánh giá mối quan hệ và mức độ ảnh hưởng của sự tham gia của BLQ đóng vai trò trung tâm trong hoạt động KH,CN&ĐMST là doanh nghiệp đối với kết quả của từng giai đoạn trong quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST, trên cơ sở đó đề xuất giải pháp nâng cao ảnh hưởng của các BLQ trong quy trình HĐCS để cải thiện chất lượng chính sách là rất cần thiết.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Nghiên cứu luận cứ khoa học về mối quan hệ và ảnh hưởng sự tham gia của các BLQ tới kết quả đầu ra của quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST theo mô hình chính sách ĐMST chuyển đổi.

- Đánh giá thực tiễn về mối quan hệ và ảnh hưởng của sự tham gia của doanh nghiệp là BLQ đóng vai trò trung tâm trong hệ thống ĐMST tới kết quả đầu ra của từng giai đoạn trong quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST trong lĩnh vực NLTT.

- Khuyến nghị giải pháp tăng cường mối quan hệ và ảnh hưởng của BLQ tới kết quả đầu ra của từng giai đoạn trong quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST vì sự PTBV.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Mối quan hệ và ảnh hưởng giữa sự tham gia của BLQ đại diện trong quy trình HĐCS tới kết quả đầu ra của từng giai đoạn trong quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về đối tượng: Doanh nghiệp sản xuất thiết bị NLTT, sản xuất NLTT và cung ứng các dịch vụ NLTT.

- Về nội dung: Môi quan hệ và ảnh hưởng sự tham gia của doanh nghiệp tới kết quả đầu ra từng giai đoạn trong quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST theo mô hình chính sách ĐMST chuyển đổi.

- Về không gian: Lĩnh vực năng lượng mặt trời và năng lượng gió ở Việt Nam.

- Về thời gian: Giai đoạn từ năm 2018 đến nay.

4. Câu hỏi nghiên cứu

- Mức độ quan hệ và ảnh hưởng của sự tham gia của các BLQ tới kết quả đầu ra của các giai đoạn trong quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST theo mô hình ĐMST chuyển đổi được đánh giá dựa trên tiêu chí nào?

- Thực trạng môi quan hệ và ảnh hưởng của sự tham gia của doanh nghiệp tới kết quả đầu ra của các giai đoạn trong quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST trong lĩnh vực NLTT ở Việt Nam đã được triển khai và đánh giá trong thực tiễn như thế nào?

- Các cơ quan HĐCS cần thực hiện các giải pháp nào để tăng cường môi quan hệ và ảnh hưởng của doanh nghiệp tới kết quả đầu ra của quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST trong lĩnh vực NLTT ở Việt Nam?

5. Đóng góp mới của Luận án

- **Về lý luận:** Luận án đóng góp vào nghiên cứu về chính sách ĐMST chuyển đổi ở Việt Nam khi xây dựng cơ sở lý thuyết cho việc xác định các khía cạnh ảnh hưởng của sự tham gia của các BLQ tới kết quả đầu ra của từng giai đoạn trong quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST theo mô hình chính sách ĐMST chuyển đổi. Trong khi các cách tiếp cận truyền thống trước đây chủ yếu tập trung vào các kết quả đầu ra của các giai đoạn trong quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST là tăng trưởng kinh tế và năng lực cạnh tranh, nghiên cứu này đã xác định kết quả đầu ra theo mô hình ĐMST chuyển đổi cần đề cập cả khía cạnh về môi trường và xã hội để định hướng chính sách KH,CN&ĐMST giải quyết các thách thức lớn về phát triển bền vững (PTBV). Theo đó, sự tham gia của các BLQ ảnh hưởng tới xác định, ban hành, thi hành, đánh giá: (1) các mục tiêu chính sách nhằm thúc đẩy KH,CN&ĐMST giải quyết các thách thức về xã hội, môi trường và kinh tế; (2) các giải pháp chính sách đa dạng, liên ngành và xuyên ngành để giải quyết thách thức lớn về xã hội, môi trường.

- **Về thực tiễn:** Trên cơ sở kết quả phân tích thực trạng về môi quan hệ và mức độ ảnh hưởng của sự tham gia doanh nghiệp với tư cách là BLQ đóng vai trò trung tâm trong hệ thống ĐMST tới kết quả đầu ra của từng giai đoạn trong quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST trong lĩnh vực NLTT ở Việt Nam theo mô hình chính sách ĐMST chuyển đổi, Luận án khuyến nghị Nhà nước cần đặc biệt quan tâm đến các giải pháp tạo động lực và áp lực để doanh nghiệp thực hiện hoạt động KH,CN&ĐMST vì sự PTBV, qua đó tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp trong xây dựng, phản biện và giám sát thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách của Nhà nước.

6. Kết cấu của Luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, kết cấu của Luận án gồm 5 chương sau:

Chương 1 Tổng quan nghiên cứu về sự tham gia của các BLQ vào quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST trong lĩnh vực NLTT theo mô hình chính sách ĐMST chuyển đổi

Chương 2 Cơ sở lý thuyết về ảnh hưởng của sự tham gia của các BLQ tới kết quả của quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST trong lĩnh vực NLTT theo mô hình chính sách ĐMST chuyển đổi

Chương 3 Phương pháp nghiên cứu

Chương 4 Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Chương 5 Khuyến nghị giải pháp tăng cường ảnh hưởng của doanh nghiệp tới kết quả của quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST trong lĩnh vực NLTT ở Việt Nam.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀO QUY TRÌNH HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH KH,CN&ĐMST THEO MÔ HÌNH CHÍNH SÁCH ĐMST CHUYỂN ĐỔI TRONG LĨNH VỰC NLTT

1.1. Nghiên cứu vai trò sự tham gia của các BLQ trong quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST trong lĩnh vực NLTT

Các nghiên cứu đã có nghiên cứu về vai trò sự tham gia của các BLQ trong quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST ở các khía cạnh sau đây:

Vai trò của các chuyên gia và các BLQ trong giai đoạn khởi sự chính sách ĐMST.

Vai trò của các BLQ trong giảm thiểu hậu quả bất bình đẳng và bất công đối với xã hội gây ra trong quá trình chuyển đổi năng lượng.

Vai trò của BLQ trong xây dựng và tăng cường đối thoại và hợp tác thông qua khả năng tương tác và sẵn sàng duy trì mối quan hệ.

Hạn chế trong vai trò của các BLQ trong lĩnh vực khí hậu và năng lượng khi sự tham gia chủ yếu là các BLQ “chuyên gia”.

1.2. Nghiên cứu mối quan hệ và ảnh hưởng của sự tham gia tới kết quả đầu ra của quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST trong lĩnh vực NLTT

Nghiên cứu về mối quan hệ và ảnh hưởng của sự tham gia tới kết quả đầu ra của quy trình HĐCS được tiến hành ở các quốc gia khác nhau với quy mô nghiên cứu khác nhau như quy mô xây dựng chiến lược hoặc dự án của một khu vực, quốc gia hoặc một địa phương.

Để đánh giá về mối quan hệ và ảnh hưởng của sự tham gia tới kết quả đầu ra của quy trình HĐCS, các nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp đánh giá khác nhau như đánh giá quy trình tham gia và kết quả đầu ra của sự tham gia của người dân (Falanga và cộng sự), cách tiếp cận về vai trò của doanh nghiệp trong hệ thống chính trị và kinh tế-chính trị (Starkman, 2018), cách tiếp cận HĐCS có sự tham gia (Jekabsone và cộng sự, 2019).

Kết quả các nghiên cứu về thực tiễn tham gia của các BLQ trong quy trình HĐCS ĐMST trong lĩnh vực NLTT ở một số quốc gia cho thấy mặc dù sự tham gia của các

BLQ đóng vai trò quan trọng, song trên thực tế vẫn chưa đáp ứng được kỳ vọng (Galende-Sánchez & Sorman, 2021).

Để sự tham gia của các BLQ trở nên sâu sắc và hiệu quả, các nghiên cứu khuyến nghị một số giải pháp như nhà nước ban hành quy định về hình thức tham gia của các BLQ (Chwalisz, 2019; Elstub, 2019); tăng cường phối hợp giữa chính phủ và cơ quan thực hiện (Weber & Rohrer, 2012), giữa các cơ quan chính phủ khác nhau (Peng & Bai, 2018; Seong và cộng sự, 2016), giữa các chính sách khác nhau (Crespi, 2016; Scordato và cộng sự, 2018); tập trung vào các quy trình có nhiều ảnh hưởng hơn, cần ưu tiên tổ chức các quy trình chính sách mang lại tác động chính sách cao có sự tham gia và được chuẩn bị kỹ lưỡng (OECD, 2023).

Các nghiên cứu cũng chỉ ra một số điều kiện đảm bảo sự tham gia hiệu quả của các BLQ là: (i) Sự tham gia của các BLQ cần dựa trên nguyên tắc tôn trọng và tương đối bình đẳng (Bachtiger và cộng sự, 2018), nguyên tắc tin cậy và tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng mạng lưới tích cực giữa những người tham gia (Kalkbrenner & Roosen, 2016; Byrne và cộng sự, 2017); (ii) các quy trình chính sách cần phải cam kết minh bạch đảm bảo công khai, rõ ràng và có thể theo dõi được (Ernst và cộng sự, 2017).

1.3. Nghiên cứu về xu hướng chính sách mới khắc phục hạn chế về sự tham gia của các BLQ trong quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST

Kể từ năm 2018, đặc biệt sau đại dịch COVID-19, các nhà nghiên cứu dành nhiều quan tâm nghiên cứu xu hướng chính sách mới nhằm thúc đẩy KH,CN&ĐMST tìm kiếm các giải pháp toàn diện giải quyết các thách thức lớn của PTBV, trong đó đặt ra yêu cầu phải có sự tham gia của nhiều BLQ hơn bao gồm các BLQ quốc tế và các công dân có trách nhiệm (Kattel & Mazzucato, 2018; Kuhlmann & Rip, 2018; Schot & Steinmueller, 2018; Grillitsch và cộng sự, 2019; Diercks và cộng sự, 2019) và các BLQ tăng cường ảnh hưởng nhiều hơn đối với quy trình HĐCS. Xu hướng chính sách có tên gọi “khung/mô hình chính sách ĐMST chuyển đổi” (Kattel & Mazzucato, 2018; Diercks và cộng sự, 2019; Fagerberg, 2018; Giuliani, 2018; Kuhlmann & Rip, 2018; Schot & Steinmueller, 2018; Soete, 2019). Thông qua so sánh giữa đặc điểm sự tham gia của các BLQ của mô hình chính sách ĐMST chuyển đổi và hai mô hình chính sách đã tồn tại trước là chính sách KH,CN&ĐMST vì sự tăng trưởng và chính sách hệ thống ĐMST, các nghiên cứu đã chỉ ra những ưu điểm của mô hình chính sách ĐMST chuyển đổi ở 06 khía cạnh: *mô hình đổi mới, mục tiêu chính sách, lý do can thiệp của nhà nước, công cụ chính sách, các BLQ trong mô hình ĐMST và phương thức quản trị chính sách* (Schot & Steinmueller, 2018; Edler & Fagerberg, 2017; Boon & Edler, 2018; Borrás & Laatsit, 2019).

Trong mô hình chính sách ĐMST chuyển đổi, sự tham gia của các BLQ đóng vai trò quan trọng trong xây dựng mô hình đổi mới thúc đẩy chuyển đổi bền vững dựa trên các yếu tố về xã hội, thể chế, cơ sở hạ tầng, thị trường; khuyến khích phương thức học hỏi sâu hơn, giúp phát triển và kết nối các mục tiêu chung giữa nhiều BLQ; giải quyết các thất bại cản trở chính sách KH&CN giải quyết những thách thức lớn mà hai thể hệ chính sách trước chưa giải quyết được là *thất bại trong xác định định hướng cho hoạt*

động KH,CN&ĐMST, thất bại về điều phối chính sách, thất bại về khớp nối nhu cầu và thất bại về phản hồi (Weber và Rohracher, 2012).

Ở Việt Nam, Báo cáo của Ngân hàng Thế giới và Bộ KH&CN (2020) đề xuất Việt Nam cần xây dựng chính sách ĐMST huy động sự tham gia, tương tác cao hơn của tất cả các BLQ trong phát triển, thực hiện và đánh giá chính sách. Bên cạnh đó, còn có một số nghiên cứu về sự cần thiết nghiên cứu và phát triển mô hình chính sách KH,CN&ĐMST mới ở Việt Nam (Bạch Tân Sinh, 2020, 2021) trong bối cảnh các biến động khó lường ngày càng gia tăng trong tương lai.

1.4. Đánh giá chung về tình hình nghiên cứu liên quan đến Luận án

Các nghiên cứu đã có nghiên cứu về thực tiễn tham gia của các BLQ trong quy trình HĐCS NLTT và chính sách KH,CN&ĐMST ở một số quốc gia trên thế giới với các nội dung với nhiều khá nhiều nội dung khác nhau.

Đồng thời, các nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, trong bối cảnh yêu cầu của PTBV, chuyển đổi năng lượng đặt ra đối với chính sách KH,CN&ĐMST, đòi hỏi phải có cách tiếp cận về sự tham gia của các BLQ vào quy trình chính sách KH,CN&ĐMST vừa kế thừa từ các mô hình chính sách hiện có, vừa chuyển dịch theo mô hình chính sách ĐMST chuyển đổi.

1.5. Khoảng trống nghiên cứu

- Các nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu khác nhau để đánh giá mối quan hệ và mức độ ảnh hưởng của BLQ đối với kết quả HĐCS ở các quốc gia khác nhau, song chưa có các nghiên cứu đánh giá mối quan hệ và mức độ ảnh hưởng của BLQ đối với kết quả HĐCS KH,CN&ĐMST trong lĩnh vực NLTT theo mô hình chính sách ĐMST chuyển đổi ở Việt Nam.

- Mô hình chính sách ĐMST chuyển đổi với những đặc điểm ưu việt, phù hợp với các lĩnh vực có sự chuyển đổi về kỹ thuật-xã hội như lĩnh vực NLTT.

- Ở Việt Nam, phát triển NLTT đóng vai trò quan trọng trong thực hiện các cam kết về PTBV.

- Quá trình chuyển đổi sang NLTT tác động sâu rộng, ảnh hưởng trực tiếp đến kinh tế, môi trường, sức khỏe, an sinh xã hội, an ninh năng lượng quốc gia. Quá trình chuyển đổi năng lượng liên quan tới các chính sách khác nhau và liên quan đến nhiều chủ thể khác nhau như các bộ, ngành, doanh nghiệp, tổ chức quốc tế.

- Trên thực tế, quy trình HĐCS về cơ bản vẫn mang tính nội bộ giữa các cơ quan nhà nước, các bên chịu tác động của chính sách tham gia hạn chế vào giám sát và xây dựng chính sách.

Do đó việc đánh giá mối quan hệ và ảnh hưởng của các BLQ tới kết quả của quy trình HĐCS trong lĩnh vực NLTT theo mô hình ĐMST chuyển đổi là khoảng trống cần nghiên cứu.

- Các nghiên cứu đã có nghiên cứu về ảnh hưởng của các BLQ khác nhau, đặc biệt là của công dân tới kết quả của quy trình HĐCS. Trong bối cảnh Việt Nam, Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm 2021-2030, Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 10/10/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân

Việt Nam, Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST đến năm 2030 trong thời kỳ mới khẳng định vai trò của doanh nghiệp trong phát triển phát triển bền vững dựa trên KH,CN&ĐMST, đồng thời chỉ ra những hạn chế của doanh nghiệp về năng lực cạnh tranh, một số cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp chậm được triển khai, hiệu quả chưa cao và nhấn mạnh nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém nêu trên “*chủ yếu do công tác quản lý nhà nước, sự phối hợp giữa các cơ quan trong xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật chưa chặt chẽ, thường xuyên*”. Do đó, nghiên cứu về mối quan hệ và ảnh hưởng sự tham gia của doanh nghiệp tới kết quả của các giai đoạn trong quy trình HĐCS phải được ưu tiên so với các BLQ khác.

- Nghiên cứu góp phần phát triển các khía cạnh đánh giá về sự tham gia của các BLQ trong quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST vì sự PTBV. Đồng thời, đánh giá sự tham gia của doanh nghiệp sẽ góp phần cung cấp các bằng chứng thực tiễn để cộng đồng nghiên cứu chính sách ĐMST chuyển đổi trên thế giới xem xét sự phù hợp của mô hình chính sách ĐMST chuyển đổi trong bối cảnh quốc gia đang phát triển với những hạn chế về nguồn lực tài chính, nhân lực, nhận thức.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ ẢNH HƯỞNG CỦA SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN TỚI KẾT QUẢ CỦA QUY TRÌNH HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH KH,CN&ĐMST THEO MÔ HÌNH CHÍNH SÁCH ĐMST CHUYỂN ĐỔI

2.1. Một số khái niệm

2.1.1. Chính sách KH,CN&ĐMST

Tác giả sử dụng các thuật ngữ là chính sách KH,CN&ĐMST, chính sách KH&CN, chính sách ĐMST trong Luận án. Do các thuật ngữ này nội hàm có những điểm tương đồng với nhau nên trong khuôn khổ của Luận án được sử dụng thay thế lẫn nhau.

Trong Luận án, chính sách KH,CN&ĐMST được hiểu là “các chính sách của nhà nước nhằm hỗ trợ và huy động các nguồn lực đầu vào và đầu ra cho hoạt động KH,CN&ĐMST nhằm duy trì tăng trưởng kinh tế bền vững đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái, quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, ứng phó với biến đổi khí hậu”.

Chính sách KH,CN&ĐMST chịu tác động của cả các yếu tố bên ngoài và các yếu tố nội tại (Liên hợp quốc, 2022). Do đó, thiết kế chính sách KH,CN&ĐMST không thể giới hạn ở một bộ hoặc cơ quan duy nhất chịu trách nhiệm về KH,CN&ĐMST và đòi hỏi phải có một quy trình chính sách được phối hợp tốt, trong đó kết hợp quá trình phân tích và tham vấn, tương tác nhiều ngành và lĩnh vực chuyên môn khác nhau.

2.1.2. Bên liên quan trong quy trình HĐCS công

Trên thế giới có các cách định nghĩa của các tổ chức khác nhau về BLQ trong quy trình HĐCS, song đều có chung đặc điểm là các BLQ gồm những bị ảnh hưởng hoặc có khả năng bị ảnh hưởng bởi các quyết định chính sách hoặc quan tâm đến việc ra quyết định chính sách.

Về thành phần của các BLQ trong quy trình HĐCS công, cũng có những cách phân chia khác nhau. Hội đồng quản trị rủi ro quốc tế phân biệt bốn nhóm liên quan chính trong quy trình HĐCS là đại diện giới chính trị, kinh doanh, khoa học và xã hội công dân. Ngoài ra, có các nhóm liên quan khác như truyền thông, giới tinh hoa văn hóa và các nhà lãnh đạo dư luận, người dân (IRGC, 2013; Aven và Renn, 2010). Theo Nguyễn Hữu Hải và Lê Văn Hoà (2013), các chủ thể tham gia vào quy trình HĐCS công gồm các cử tri, đảng chính trị, các cơ quan được bầu cử, bộ máy hành chính, các nhóm lợi ích, các tổ chức nghiên cứu. Bên cạnh các BLQ trên, còn có các BLQ quốc tế tham gia vào quy trình HĐCS (Risse-Kappen, 1995; Coleman và Perl, 1999).

2.1.3. Bên liên quan trong quy trình hoạch định chính sách KH,CN&ĐMST

Các BLQ trong quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST gồm nhà nước, doanh nghiệp, hệ thống nghiên cứu và giáo dục và xã hội (các tổ chức trung gian, người tiêu dùng/sử dụng và xã hội công dân, người dân) (UNCTAD, 2019).

2.2. Phương pháp tiếp cận các bên liên quan

Phương pháp tiếp cận các BLQ do Edward.R. Freeman (1984) được nhiều nhà khoa học và tổ chức trên thế giới phát triển và ứng dụng trong HĐCS công, đặc biệt là Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế OECD. Một số nội dung chủ yếu được phát triển từ phương pháp tiếp cận các BLQ gồm:

2.2.1. Khung phân tích các BLQ theo quyền lực và lợi ích

Khung phân tích “Quyền lực-Lợi ích” của Freeman (1984) được sử dụng để quản lý các BLQ, giành sự ủng hộ của họ và giảm thiểu sự chống đối thông qua xác định các khía cạnh quyền lực, lợi ích.

2.2.2. Ảnh hưởng của sự tham gia của các BLQ tới kết quả chính sách công

2.2.2.1. Ảnh hưởng tới nội dung chính sách

Ảnh hưởng của các BLQ tới nội dung chính sách ở các khía cạnh chính là mục tiêu, công cụ/giải pháp chính sách.

- Về mục tiêu chính sách: Định hướng mục tiêu giải quyết các thách thức xã hội;
- Về giải pháp/công cụ chính sách: Nhiều lựa chọn thích hợp hơn từ quan điểm môi trường, kinh tế, kỹ thuật; Các lựa chọn hành động mới, các giải pháp mạnh mẽ hơn, xác định tốt hơn các phương pháp tiếp cận bền vững lâu dài; Cung cấp thông tin đa dạng, đa chiều cho các nhà HĐCS; Cung cấp thêm nhiều ý tưởng, sáng kiến cho việc xây dựng chính sách.

- Nâng cao chất lượng các chính sách, đặc biệt là khía cạnh xã hội và tính bao trùm của chính sách.

2.2.2.2. Ảnh hưởng tới quy trình HĐCS

- Góp phần cải thiện chất lượng thông tin của các quy trình quyết định và sử dụng thông tin tốt hơn.

- Mở rộng phạm vi lựa chọn các quyết định chính sách.

- Gia tăng các nhóm ý tưởng và sáng tạo.

- Các quy trình chính sách năng động hơn, ra quyết định minh bạch hơn.

- Xác định sớm xung đột và quản lý hoặc giải quyết xung đột tốt hơn.

- Tăng tính hợp pháp của quá trình ra quyết định.
- Trao quyền và tăng cường ảnh hưởng của các lợi ích ít tổ chức hơn.
- Cải thiện niềm tin của người dân đối với chính phủ và chính quyền.

2.2.3. Mức độ tham gia của các BLQ vào quy trình HĐCS công

Đánh giá mức độ tham gia của các BLQ trong quy trình HĐCS bắt nguồn từ “thang đo sự tham gia của người dân” trong lý thuyết của Sherry Arnstein về sự tham gia của người dân trong xây dựng chính quyền (1969) và sau này đã được các nhà nghiên cứu, các tổ chức quốc tế tiếp tục phát triển theo các khía cạnh khác nhau. Thang đo có tám “bậc thang” mô tả ba hình thức chung của quyền lực công dân trong quá trình ra quyết định dân chủ: không tham gia (không có quyền lực), các cấp độ của chủ nghĩa tượng trưng (quyền lực giả tạo) và các cấp độ của quyền lực công dân (quyền lực thực tế).

Mức độ tham gia của các BLQ trong quy trình HĐCS công tiếp tục được nghiên cứu và phát triển trong các lĩnh vực khác nhau. Theo IRGC (2013), Health Canada (2000), Abelson and Gauvin (2006), OECD (2015), sự tham gia của các BLQ vào quy trình HĐCS công được thể hiện ở ba mức độ: *Mức độ 1*: cung cấp thông tin. *Mức độ 2*: tham vấn. *Mức độ 3*: tham gia tích cực. Mức độ tham gia của các BLQ phụ thuộc vào sự phức tạp/mức độ rủi ro của vấn đề chính sách cần xin ý kiến. Khi vấn đề chính sách càng phức tạp hoặc mức độ rủi ro càng cao, đòi hỏi nhiều bên có liên quan tham gia vào quy trình HĐCS hơn.

2.3. Quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST

2.3.1. Hoạch định chính sách công

HĐCS tập trung giải quyết các câu hỏi sau: (1) Vấn đề chính sách đang cần giải pháp là gì?; (2) Nên chọn phương hướng hành động nào để giải quyết vấn đề đó?; (3) Những kết quả của việc chọn phương hướng hành động đó là gì?; (4) Việc đạt được những kết quả này có giúp giải quyết được vấn đề thực tiễn hay không?; (5) Nếu chọn những phương hướng hành động khác thì kết quả sẽ như thế nào?

2.3.2. Quy trình hoạch định chính sách công

Trên thế giới có nhiều cách phân chia quy trình HĐCS công (gồm 05, 07 hoặc 08 giai đoạn). Ở Việt Nam, quy trình HĐCS công gồm 04 giai đoạn (khởi sự chính sách, xây dựng chính sách và ra quyết định chính sách, thực thi chính sách, đánh giá chính sách).

2.3.3. Quy trình hoạch định chính sách KH,CN&ĐMST

Nghiên cứu sử dụng trên cơ sở có điều chỉnh để phù hợp với Việt Nam quan điểm của 3 tổ chức là: (i) Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh (2019) của Hoa Kỳ; (ii) Nhóm công tác liên ngành của Liên Hợp quốc về KH,CN&ĐMST vì các Mục tiêu PTBV (2020); và (iii) Sáng kiến Thiết kế và Thực hiện Chính sách Thông minh của Trường Harvard Kennedy (2022), theo đó, có 04 giai đoạn trong quy trình chính sách KH,CN&ĐMST, gồm: Giai đoạn 1: Khởi sự chính sách; Giai đoạn 2: Xây dựng và ban hành chính sách; Giai đoạn 3: Thi hành chính sách; Giai đoạn 4: Đánh giá chính sách.

2.3.4. Nội dung tham gia của các BLQ vào quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST

Theo OECD (2023), các BLQ tham gia vào các nội dung sau trong quy trình HĐCS:

- Tham gia vào quá trình xác định các ưu tiên ngắn hạn và dài hạn đối với chính sách và tài trợ cho KH,CN&ĐMST.
- Tham gia vào xác định các ưu tiên đối với các chương trình NC&TK và phân bổ kinh phí theo các lĩnh vực ưu tiên.
- Đánh giá công nghệ để nhận dạng các rủi ro về xã hội, kinh tế và đạo đức của ứng dụng các công nghệ mới nổi.
- Dự báo chiến lược để phát triển các tầm nhìn chung về tương lai và cùng hành động, huy động nguồn lực để đạt được mục tiêu chung.
- Hỗ trợ lan toả công nghệ hướng tới đạt được các mục tiêu kinh tế, xã hội.

Để huy động sự tham gia tốt nhất của các BLQ vào HĐCS cần xây dựng kế hoạch huy động các đối tượng các BLQ tham gia, thiết kế các phương pháp huy động sự tham gia tối ưu, đảm bảo đáp ứng kỳ vọng của các BLQ và thông báo kết quả cho họ, xây dựng quy trình để lồng ghép các kết quả từ sự tham gia của các BLQ vào quy trình HĐCS.

Mặc dù các BLQ có thể tham gia vào tất cả các giai đoạn của quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST, tuy nhiên đối với mỗi giai đoạn cần ưu tiên sự tham gia của các BLQ khác nhau. Cũng theo OECD (2023), đối với người dân, nên ưu tiên huy động sự tham gia của họ vào trong các trường hợp như sau: (i) Lựa chọn quyết định các định hướng chính sách dài hạn trong số nhiều phương án đòi hỏi có kiểm chứng xã hội; (ii) Các chính sách đòi hỏi tri thức cộng đồng trong quá trình xây dựng và thực thi chính sách; (iii) Các chủ đề chính sách mà người dân đặc biệt quan tâm và có thể tạo ra “kẻ thắng” và “người thua” và khi niềm tin vào các tổ chức của nhà nước đang đứng trước nguy cơ bị đánh mất.

2.4. Mô hình chính sách ĐMST chuyển đổi

2.4.1. Khái niệm mô hình chính sách ĐMST chuyển đổi

Mô hình chính sách ĐMST chuyển đổi là tập hợp các quan điểm xem xét KH,CN&ĐMST ở cấp độ hệ thống, trong đó KH,CN&ĐMST chịu sự chi phối của các mục tiêu về xã hội, môi trường, dựa trên trải nghiệm thực tiễn, sự học hỏi, tương tác và sẵn sàng xem xét lại những quy định hiện hành để giải quyết các thách thức xã hội (Schot và Steinmueller, 2018).

Mô hình chính sách ĐMST chuyển đổi được xây dựng trên cơ sở kế thừa và phát triển hai mô hình chính sách KH,CN&ĐMST đã và đang tồn tại hiện nay trên thế giới và không thay thế hoàn toàn các mô hình đã ra đời trước đó.

Mô hình chính sách ĐMST chuyển đổi dựa trên lý thuyết về chuyển đổi bền vững. Mô hình này coi các thách thức về môi trường và xã hội là cấu phần trung tâm của chính sách KH,CN&ĐMST và yêu cầu phải định hướng hoạt động KH,CN&ĐMST hướng tới thay đổi cơ bản các hệ thống kỹ thuật - xã hội nhằm đáp ứng các nhu cầu cơ bản của cuộc sống (Schot, 2018).

2.4.2. *Đặc điểm của mô hình chính sách ĐMST chuyển đổi*

- **Về mô hình đổi mới:** Mô hình chính sách ĐMST chuyển đổi theo đuổi mô hình đổi mới thúc đẩy chuyển đổi bền vững, ĐMST dựa trên NC&TK và không dựa trên NC&TK đều là đối tượng của chính sách.

- **Về định hướng mục tiêu chính sách:** Các chính sách không chỉ thúc đẩy tốc độ ĐMST mà còn định hướng ĐMST hỗ trợ quá trình chuyển đổi bền vững để giải quyết các thách thức lớn về xã hội, môi trường, năng lượng, sức khỏe, giáo dục, việc làm,... và thông qua đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

- **Về lý do có sự can thiệp của nhà nước:** Nhà nước can thiệp chính sách nhằm giải quyết những thất bại cản trở KH,CN&ĐMST giải quyết những thách thức lớn gồm: thất bại về tính định hướng, thất bại về điều phối chính sách; thất bại về khớp nối nhu cầu; thất bại về phản hồi.

- **Về sự tham gia của các BLQ trong hệ thống ĐMST:** Mô hình này nhấn mạnh rằng cần phải có sự tham gia của nhiều BLQ hơn nhằm tìm kiếm các giải pháp toàn diện, dựa trên bằng chứng kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu thực sự của các nhóm xã hội khác nhau để giải quyết các thách thức môi trường, xã hội không chỉ trong phạm vi quốc gia mà còn phạm vi khu vực và toàn cầu (Diercks và cộng sự, 2019; Steward, 2012). Bên cạnh vai trò của chính phủ, các tổ chức nghiên cứu - đào tạo, các nhà khoa học, doanh nghiệp, tổ chức hỗ trợ, tổ chức nghề nghiệp- xã hội, rất cần có vai trò của các BLQ quốc tế và các công dân có trách nhiệm.

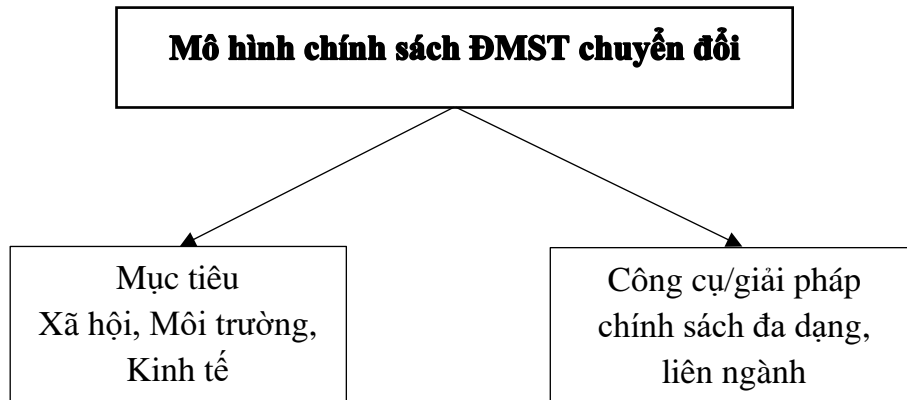
- **Về công cụ chính sách:** Mô hình chính sách ĐMST chuyển đổi nhấn mạnh sự cần thiết của một bộ công cụ chính sách đa dạng và phức tạp hơn để giải quyết những thách thức lớn như hỗn hợp chính sách (Bugge và cộng sự, 2018), kết hợp các chính sách phía cung và phía cầu (Diercks và cộng sự, 2019; Rogge và Reichardt, 2016; Schot và Steinmueller, 2018; Steward, 2012), chính sách hỗ trợ cho thử nghiệm (Kivimaa và Kern, 2016).

- **Về quản trị chính sách:** Các thách thức lớn có mối liên hệ chặt chẽ với nhau đòi hỏi tư duy rộng hơn, toàn diện hơn trong xây dựng chính sách nhằm giải quyết các thách thức. Vì vậy, cần có sự điều phối chính sách tốt hơn nữa do xuất hiện nhiều bên có liên quan; đề cao tính thử nghiệm, linh hoạt, phản hồi, học hỏi trong quy trình chính sách để đáp ứng với những biến động nhanh và khôn lường.

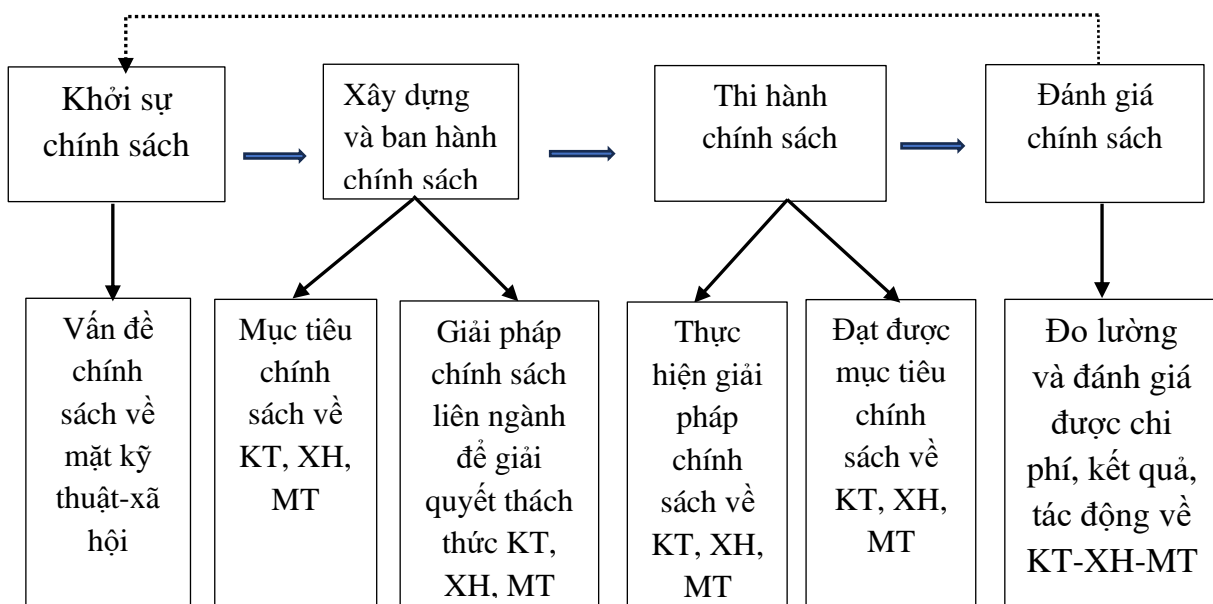
2.4.3. *Kết quả các giai đoạn trong quy trình HĐCS theo mô hình chính sách ĐMST chuyển đổi*

Từ các phân tích trên đây, điểm tạo nên sự khác biệt giữa các thể hệ chính sách là mục tiêu chính sách và các giải pháp/công cụ chính sách. Vì vậy, tác giả cho rằng kết quả của quy trình HĐCS theo mô hình chính sách ĐMST chuyển đổi cần được xem xét ở 02 khía cạnh: **(1)** phương án chính sách với mục tiêu nhằm thúc đẩy ĐMST giải quyết các thách thức lớn về xã hội, môi trường, năng lượng, sức khỏe, giáo dục, việc làm,... và sẽ kéo theo tăng trưởng kinh tế; **(2)** phương án chính sách gồm các công cụ/giải pháp chính sách đa dạng, liên ngành để giải quyết những thách thức lớn về xã hội, môi trường, cho phép thử nghiệm chính sách.

Kết quả của quy trình HĐCS đạt được trên cơ sở kết quả của các giai đoạn trong suốt quy trình hoạch định. Trên cơ sở 02 khía cạnh nêu trên, tác giả tiếp tục đề xuất các khía cạnh xác định kết quả của các giai đoạn trong quy trình HĐCS theo mô hình chính sách ĐMST chuyển đổi theo hình dưới đây.



KẾT QUẢ CÁC GIAI ĐOẠN TRONG QUY TRÌNH HĐCS THEO MÔ HÌNH CHÍNH SÁCH ĐMST CHUYỂN ĐỔI



2.5. Kinh nghiệm quốc tế về tăng cường ảnh hưởng của sự tham gia của các BLQ tới kết quả của quy trình HĐCS

2.5.1. Hình thức huy động sự tham gia của các BLQ

- Huy động sự tham gia của người dân: khuyến khích chia sẻ ý tưởng cho các chương trình nghiên cứu và đổi mới, khảo sát, thăm dò ý kiến về các vấn đề cần nghiên cứu, tổ chức các buổi trao đổi, tọa đàm xây dựng các kịch bản trong tương lai, huy động tham gia vào các chương trình KH&CN, tổ chức các giải thưởng về ĐMST, xây dựng các nền tảng hợp tác trực tuyến, xây dựng các phòng thí nghiệm sống...

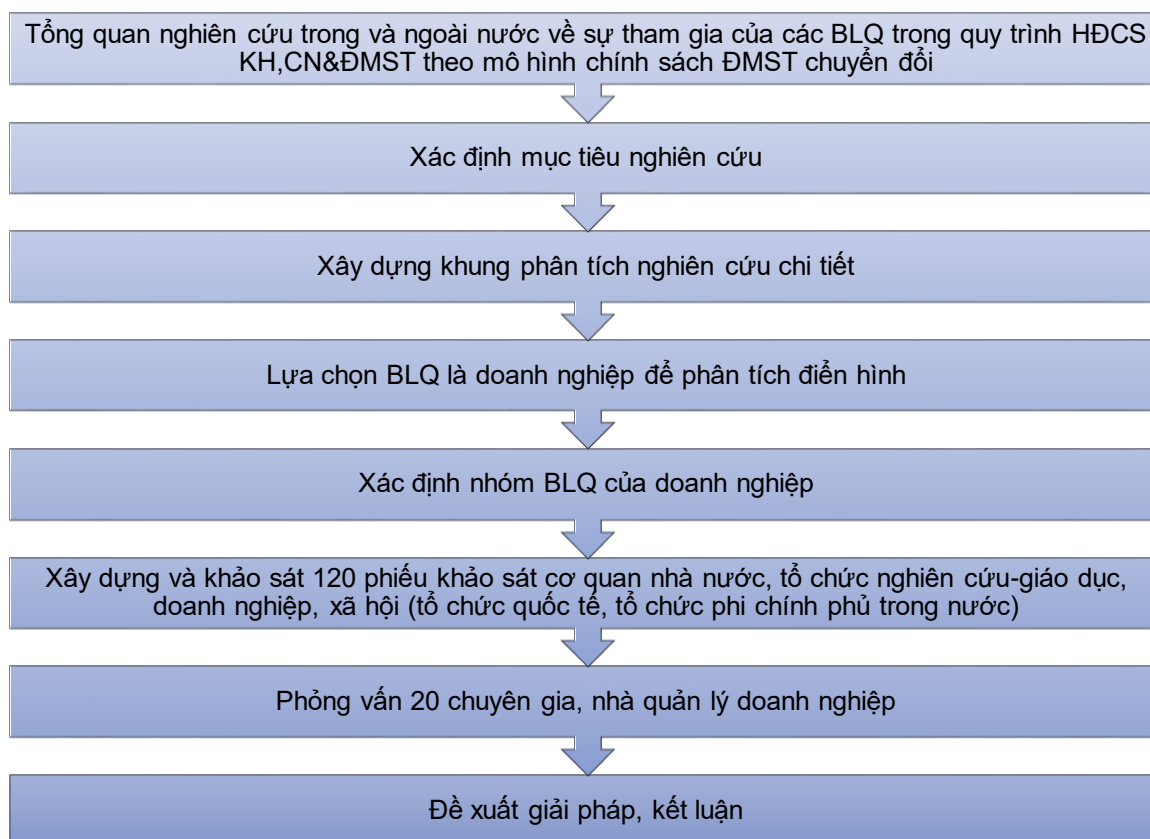
- Huy động sự tham gia của quốc tế: phối hợp trong xây dựng cơ chế, chính sách; xây dựng các chương trình chung về nghiên cứu và ứng dụng các giải pháp công nghệ; xây dựng các sáng kiến chính sách...

2.5.2. Thiết kế và triển khai quy trình có sự tham gia của các BLQ

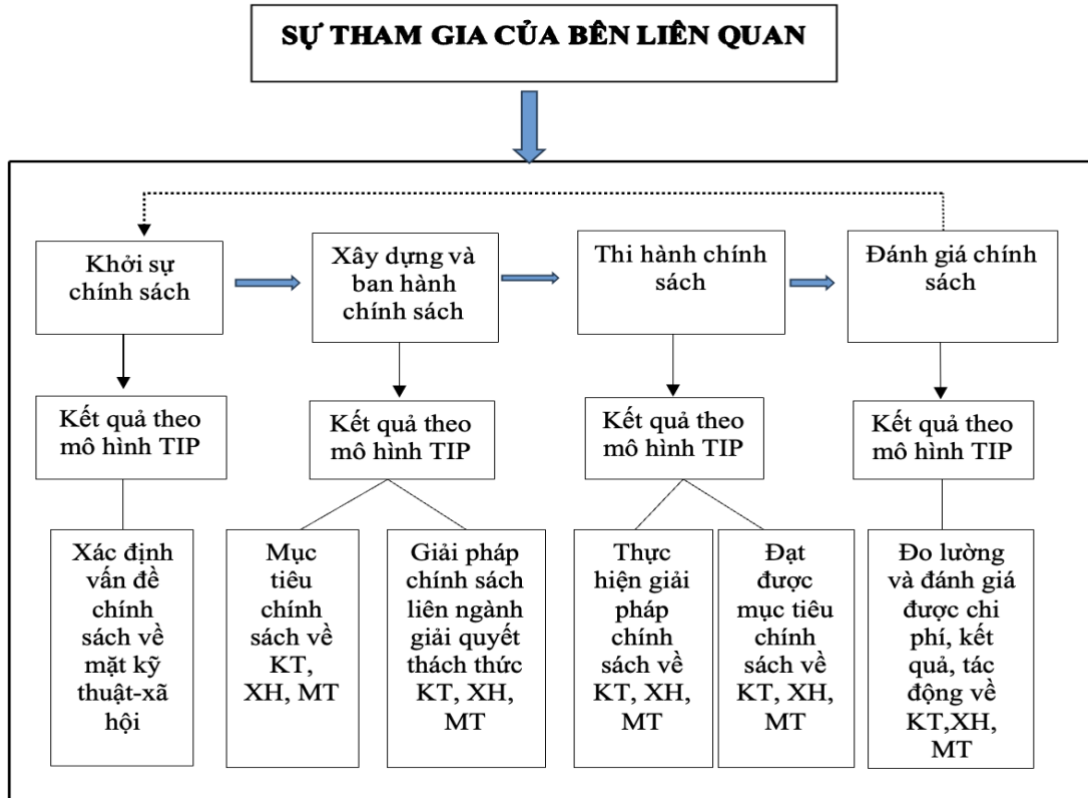
- Xác định mục tiêu và phạm vi của sự tham gia
- Hướng mục tiêu đến công dân và đảm bảo sự tham gia toàn diện.
- Thiết kế và thực hiện các quy trình tham gia toàn diện của công dân.

CHƯƠNG 3 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Quy trình nghiên cứu



3.2. Khung phân tích nghiên cứu



3.3. Tiêu chí đánh giá mức độ ảnh hưởng của sự tham gia của BLQ tới kết quả của các giai đoạn trong quy trình HĐCS theo mô hình chính sách ĐMST chuyển đổi

3.3.1. Phân loại mức độ ảnh hưởng

Mức độ ảnh hưởng của sự tham gia các BLQ tới kết quả đầu ra của quy trình HĐCS gồm 03 mức: Thấp, Trung bình, Cao, trong đó:

Mức độ Thấp: Các BLQ tiếp nhận hoặc cung cấp thông tin một chiều từ/tới các cơ quan nhà nước thông qua các kênh trực tiếp hoặc gián tiếp.

Mức độ Trung bình: Các BLQ đối thoại hai chiều với cơ quan nhà nước trong quá trình HĐCS, bày tỏ quan điểm, mong muốn, nguyện vọng để cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xem xét, cân nhắc trước khi ra quyết định.

Mức độ Cao: Các BLQ tham gia vào các tổ chức do cơ quan HĐCS thành lập để cùng ra quyết định chính sách.

3.3.2. Tiêu chí cụ thể đánh giá mức độ ảnh hưởng của các BLQ tới kết quả các giai đoạn trong quy trình HĐCS

Bảng 3.1: Ảnh hưởng của BLQ tới kết quả giai đoạn khởi sự chính sách

Thấp	Trung bình	Cao
- BLQ tiếp nhận hoặc cung cấp thông tin một chiều về tồn tại, khó khăn, thách thức và nguyên nhân trong quá trình thực hiện hoạt động KH,CN&ĐMST và thực thi chính sách KH,CN&ĐMST	- BLQ tham gia đối thoại hai chiều với cơ quan HĐCS để xác định tồn tại, khó khăn, thách thức và nguyên nhân trong quá trình thực hiện hoạt động KH,CN&ĐMST và thực thi chính sách	- BLQ tham gia vào các tổ chức do cơ quan HĐCS thành lập để xác định tồn tại, khó khăn, thách thức và nguyên nhân trong quá trình thực hiện hoạt động KH,CN&ĐMST và thực

từ góc độ kinh tế, xã hội, môi trường từ/tới các cơ quan HĐCS nhà nước - Ý kiến của BLQ không được thể hiện trong kế hoạch ban hành chính sách.	KH,CN&ĐMST từ góc độ kinh tế, xã hội, môi trường - Ý kiến của BLQ được xem xét thể hiện trong kế hoạch ban hành chính sách.	thi chính sách KH,CN&ĐMST từ góc độ kinh tế, xã hội, môi trường - Ý kiến của BLQ được thể hiện trong kế hoạch ban hành chính sách.
--	--	---

- Trong giai đoạn xây dựng và ban hành chính sách

Bảng 3.2: Ảnh hưởng của các BLQ tới kết quả GD xây dựng và ban hành CS

Thấp		Trung bình		Cao	
Tác động về mục tiêu CS	Tác động về công cụ CS	Tác động về mục tiêu CS	Tác động về công cụ CS	Tác động về mục tiêu CS	Tác động về công cụ CS
- Tiếp nhận hoặc cung cấp thông tin một chiều về mục tiêu chính sách từ/tới các cơ quan HĐCS nhà nước - Ý kiến của BLQ không được thể hiện trong nội dung chính sách.	- Tiếp nhận hoặc cung cấp thông tin một chiều từ/tới các cơ quan HĐCS nhà nước về các phương án xây dựng công cụ chính sách. - Ý kiến của BLQ không được thể hiện trong nội dung chính sách.	- Tham gia đối thoại hai chiều với cơ quan HĐCS để xác định mục tiêu chính sách về kinh tế, xã hội, môi trường. - Ý kiến của BLQ được xem xét thể hiện trong nội dung chính sách.	- Tham gia đối thoại hai chiều với cơ quan HĐCS về các giải pháp chính sách đa dạng cả trong và ngoài phạm vi của lĩnh vực KH,CN&ĐMST - Ý kiến của BLQ được xem xét thể hiện trong nội dung chính sách.	Tham gia vào các tổ chức do cơ quan HĐCS thành lập để xác định mục tiêu chính sách về kinh tế, xã hội, môi trường. - Ý kiến của BLQ được thể hiện trong nội dung chính sách.	- Tham gia vào các tổ chức do cơ quan HĐCS thành lập lựa chọn và xác định các giải pháp chính sách đa dạng cả trong và ngoài phạm vi của lĩnh vực KH,CN&ĐMST - Ý kiến của BLQ được thể hiện trong nội dung chính sách.

- Trong giai đoạn thi hành chính sách:

Bảng 3.3: Ảnh hưởng của các BLQ tới kết quả giai đoạn thi hành chính sách

Thấp		Trung bình		Cao
Tác động về mục tiêu CS	Tác động về công cụ CS	Tác động về mục tiêu CS	Tác động về công cụ CS	
- Tiếp nhận hoặc cung cấp thông tin một chiều về xây dựng và triển khai kế hoạch thực	- Tiếp nhận hoặc cung cấp thông tin một chiều về kế hoạch thực thi công cụ chính sách từ/tới các	- Tham gia đối thoại hai chiều với cơ quan HĐCS nhà nước trong xây dựng và triển khai kế hoạch	- Tham gia đối thoại hai chiều trong xây dựng và triển khai kế hoạch thực thi công cụ chính sách.	-Tham gia vào các tổ chức do cơ quan HĐCS thành lập trong quá trình thi hành chính sách để giám sát

thi mục tiêu chính sách từ/tới các cơ quan HĐCS nhà nước. - Ý kiến của BLQ về thực thi mục tiêu chính sách không được thể hiện trong kế hoạch thực thi và thực tiễn thực thi chính sách.	cơ quan HĐCS nhà nước. - Ý kiến của BLQ về thực thi công cụ chính sách không được thể hiện trong kế hoạch thực thi và thực tiễn thực thi chính sách.	thực thi mục tiêu chính sách. - Ý kiến của BLQ được xem xét thể hiện trong kế hoạch thực thi và thực tiễn thực thi mục tiêu chính sách.	- Ý kiến của BLQ được xem xét thể hiện trong kế hoạch thực thi và thực tiễn thực thi công cụ chính sách.	thi hành chính sách. - Ý kiến của BLQ được thể hiện trong xây dựng và triển khai kế hoạch thực thi mục tiêu chính sách
---	---	--	--	---

- Trong giai đoạn đánh giá chính sách:

Bảng 3.4: Ảnh hưởng của các BLQ tới kết quả giai đoạn đánh giá chính sách

Thấp	Trung bình	Cao
- Tiếp nhận hoặc cung cấp thông tin một chiều về lợi ích, chi phí kinh tế, xã hội, môi trường của chính sách từ/tới các cơ quan HĐCS nhà nước - Ý kiến của BLQ về lợi ích, chi phí kinh tế, xã hội, môi trường của chính sách không được thể hiện trong đánh giá chính sách.	- Tham gia đối thoại hai chiều với cơ quan HĐCS về đo lường và đánh giá về lợi ích, chi phí kinh tế, xã hội, môi trường của chính sách. - Ý kiến của BLQ về lợi ích, chi phí kinh tế, xã hội, môi trường của chính sách được xem xét thể hiện trong đánh giá chính sách.	- Tham gia vào các tổ chức do cơ quan HĐCS thành lập để đo lường lợi ích, chi phí kinh tế, xã hội, môi trường của chính sách - Ý kiến của BLQ về lợi ích, chi phí kinh tế, xã hội, môi trường của chính sách được thể hiện trong kết quả đánh giá chính sách.

3.4. Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật phân tích dữ liệu

3.4.1. Phương pháp nghiên cứu

3.4.2.1. Nghiên cứu tài liệu thứ cấp

Nghiên cứu tài liệu thứ cấp được áp dụng để xây dựng các tiêu chí đánh giá ảnh hưởng sự tham gia của các BLQ và đánh giá sơ bộ về mối quan hệ, ảnh hưởng của sự tham gia của các BLQ tới kết quả của các giai đoạn trong quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST theo mô hình chính sách ĐMST chuyển đổi.

3.4.2.2. Phương pháp thu thập sơ cấp qua phỏng vấn và tham vấn chuyên gia

Phỏng vấn sâu một số chuyên gia để tìm hiểu về hình thức tham gia, mức độ ảnh hưởng của các chủ thể này tới kết quả của từng giai đoạn trong quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST theo mô hình chính sách ĐMST chuyển đổi và các yếu tố ảnh hưởng tới sự tham gia của họ.

3.4.2.3. Phương pháp thu thập dữ liệu qua điều tra khảo sát bằng phiếu hỏi

a) Đối tượng và nội dung khảo sát

Một số doanh nghiệp sản xuất thiết bị NLTT, sản xuất NLTT và cung ứng các dịch vụ NLTT; một số hiệp hội doanh nghiệp; một số cơ quan được giao thực hiện chức năng quản lý nhà nước về NLTT và KH,CN&ĐMST; cơ quan tổ chức nghiên cứu và giáo dục trong lĩnh vực NLTT; tổ chức phi chính phủ nước ngoài và trong nước.

b) Mục tiêu khảo sát

Nhằm tìm hiểu về các giai đoạn tham gia trong quy trình HĐCS của các BLQ, hình thức tham gia, nội dung tham gia, kết quả tham gia, yếu tố ảnh hưởng tới sự tham gia và mức độ ảnh hưởng của sự tham gia của BLQ và ý kiến đề xuất của BLQ.

c) Phương pháp chọn mẫu

Mẫu được chọn theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng, theo Luật Ban hành VBQPPL năm 2018, Luật Điện lực, Luật KH&CN.

Phiếu khảo sát gồm 03 phần (Phần I: Thông tin chung về người được khảo sát; Phần II: Ý kiến về sự tham gia trong quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST trong lĩnh vực NLTT; Phần III: Đề xuất, khuyến nghị).

Các bước triển khai, hoàn thiện Phiếu khảo sát cụ thể như sau: **Bước 1. Hoàn thiện Phiếu khảo sát; Bước 2. Khảo sát thử; Bước 3. Hoàn thiện phiếu khảo sát ; Bước 4. Khảo sát chính thức**

Tổng số phiếu gửi đi là 120 phiếu. Tổng số phiếu thu về là 60, trong đó có 48 mẫu thu qua công cụ Google form, 14 mẫu được thu được từ đường bưu điện.

3.4.2. Kỹ thuật phân tích dữ liệu

- Phân tích dữ liệu định tính trên cơ sở tập hợp các ý chính nổi bật qua các cuộc phỏng vấn, được ghi chép lại, tổng hợp và phân tích trong báo cáo chính của Luận án.

- Phân tích định lượng trên cơ sở số liệu thứ cấp và khảo sát của Luận án sẽ sử dụng các kỹ thuật phân tích thông thường như thống kê mô tả, thống kê so sánh nhằm nêu ra bức tranh về các giai đoạn tham gia trong quy trình HĐCS của các BLQ, hình thức, nội dung, kết quả tham gia, yếu tố ảnh hưởng tới sự tham gia và mức độ ảnh hưởng của sự tham gia của BLQ. Kỹ thuật này sẽ được kết hợp với sử dụng bảng biểu, hình,...

CHƯƠNG 4

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

4.1. Tổng quan về phát triển lĩnh vực NLTT ở Việt Nam

4.1.1. Xu hướng dịch chuyển sang NLTT

Để đáp ứng mục tiêu giới hạn mức tăng nhiệt độ trung bình toàn cầu và trước thực trạng nhiệt độ trung bình toàn cầu đã tăng lên, quá trình chuyển dịch năng lượng toàn cầu đang có xu hướng tăng tốc nhanh trong giai đoạn vừa qua nhờ hàng loạt chính sách định hướng mạnh mẽ của các quốc gia. Quá trình chuyển dịch sang NLTT là xu hướng ở các quốc gia nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, tạo ra một thế giới PTBV hơn, công bằng hơn cho tất cả mọi người.

4.1.2. Thực trạng phát triển lĩnh vực NLTT ở Việt Nam

Việt Nam được đánh giá là quốc gia có nhiều tiềm năng phát triển NLTT và NLTT của Việt Nam đang phát triển nhanh. Theo Quy hoạch Phát triển điện lực quốc gia, Việt Nam cần đạt tỉ lệ NLTT 15-20% vào 2030 và 20-30% vào 2045. Để thực hiện hóa được chiến lược phát triển NLTT, thời gian qua, Việt Nam đã ưu tiên đầu tư và sử dụng NLTT trong phát triển ngành năng lượng, đồng thời khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia vào việc phát triển và sử dụng NLTT. Dù vậy, thực tiễn vừa qua cho thấy còn nhiều khó khăn, bất cập trong phát triển nguồn NLTT, trong đó có các khó khăn về KH,CN&ĐMST.

4.2. Quá trình hoàn thiện các quy định về sự tham gia của các BLQ vào quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST

- **Về quy định đối với chủ thể các BLQ:** Các BLQ vào quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST trong lĩnh vực NLTT có thể chia thành 04 nhóm BLQ theo cách tiếp cận hệ sinh thái ĐMST 04 bên gồm Nhà nước- Tổ chức nghiên cứu- đào tạo- Doanh nghiệp- Xã hội.

- **Về quy định đối với quyền hạn, trách nhiệm của các BLQ:** Có 02 sự thay đổi quan trọng là:

+ Ngoài quy định về vai trò của hai bộ quản lý KH,CN&ĐMST trong lĩnh vực NLTT là Bộ Công Thương và Bộ KH&CN, quy định pháp luật đã nêu rõ hơn về vai trò và sự phối hợp của một số bộ, ngành khác trong xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL), cơ chế, chính sách, chiến lược, kế hoạch, biện pháp thúc đẩy phát triển KH&CN, đổi mới công nghệ; xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin, thống kê về KH&CN.

+ Các cơ quan xây dựng chính sách bắt buộc phải lấy ý kiến các BLQ về dự thảo VBQPPL và có trách nhiệm nghiên cứu các ý kiến góp ý để tiếp thu, chỉnh lý dự thảo văn bản.

- Các tổ chức, cá nhân có thể được huy động tham gia vào quá trình lập đề nghị xây dựng VBQPPL và quá trình soạn thảo VBQPPL, gồm: các viện nghiên cứu, trường đại học, hội, hiệp hội, tổ chức khác có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học.

- Tài liệu cần lấy ý kiến là hồ sơ đề nghị xây dựng VBQPPL, báo cáo tổng kết, báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng VBQPPL, dự thảo VBQPPL quy định chính sách.

- Cơ quan HĐCS cung cấp thông tin cho các BLQ, tham vấn và thu hút các BLQ tham gia thông qua nhiều hình thức.

- Các quy định còn mang tính hành chính khi chưa ban hành kèm theo cơ chế giám sát, khuyến khích.

4.3. Thực tiễn tham gia của doanh nghiệp vào quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST trong lĩnh vực NLTT ở Việt Nam

4.3.1. Phân tích về vai trò về sự tham gia của doanh nghiệp theo khung phân tích Lợi ích- Quyền lực

Hoạt động KH,CN&ĐMST chưa gắn liền với lợi ích của nhiều doanh nghiệp nên đóng vai trò hạn chế trong tạo động lực cho doanh nghiệp tham gia vào quy trình HĐCS

KH,CN&ĐMST. Song doanh nghiệp lại có ảnh hưởng lớn đến hoàn thành các mục tiêu và thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại các chính sách của nhà nước về KH,CN&ĐMST trong lĩnh vực NLTT ở Việt Nam. Từ phân tích 02 yếu tố về lợi ích và quyền lực của doanh nghiệp, có thể xếp doanh nghiệp NLTT Việt Nam hiện nay đang thuộc nhóm có quyền lực và ảnh hưởng lớn đến chính sách nhưng lại có ít lợi ích, động lực khi tham gia vào quy trình HĐCS. Theo phương pháp tiếp cận BLQ của Freeman, nhóm doanh nghiệp này là nhóm **cần quan tâm**.

Để doanh nghiệp trở thành trung tâm của chính sách KH,CN&ĐMST, hay trở thành nhóm chủ thể theo phương pháp tiếp cận BLQ, điều quan trọng là cần thiết kế cơ chế để chính sách ảnh hưởng trực tiếp tới lợi ích của doanh nghiệp và doanh nghiệp bắt buộc phải tuân thủ.

Hàm ý chính sách trong phân tích về sự tham gia của doanh nghiệp vào quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST trong lĩnh vực NLTT như sau:

- Giải pháp cốt lõi để doanh nghiệp coi KH,CN&ĐMST là đột phá trong phát triển và tham gia vào quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST là gắn chặt chẽ chính sách với lợi ích của doanh nghiệp, đồng thời phải có cơ chế ràng buộc.

- Các cơ quan HĐCS cần coi việc xây dựng các cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện hoạt động KH,CN&ĐMST chính là giải pháp góp phần thu hút sự tham gia của doanh nghiệp vào quy trình HĐCS.

- Sự tham gia của doanh nghiệp vào quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST đóng vai trò trung tâm kết nối sự tham gia của các BLQ khác bởi doanh nghiệp đóng vai trò trung tâm trong hệ thống ĐMST.

- Chính sách KH,CN&ĐMST đóng vai trò quan trọng trong nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và đòi hỏi sự tham gia tích cực của doanh nghiệp (với tư cách là đối tượng chịu tác động của chính sách) trong tất cả các giai đoạn của quy trình HĐCS để các chính sách đáp ứng yêu cầu và nguyện vọng thực sự của doanh nghiệp.

4.3.2. Ảnh hưởng sự tham gia của doanh nghiệp tới kết quả của giai đoạn Khởi sự chính sách

Doanh nghiệp ảnh hưởng ở mức độ **Cao** trong xác định các vấn đề chính sách từ góc độ kinh tế; doanh nghiệp ảnh hưởng ở mức độ **Trung bình** trong xác định các vấn đề chính sách từ góc độ xã hội và môi trường.

Hàm ý chính sách của kết quả đánh giá ảnh hưởng sự tham gia của doanh nghiệp vào giai đoạn Khởi sự chính sách như sau:

- Sự tham gia của doanh nghiệp ngay từ giai đoạn đầu của quy trình HĐCS là tiền đề, điều kiện thuận lợi để xây dựng các mục tiêu, giải pháp chính sách dựa trên bằng chứng và là điểm khác biệt so với quy định pháp luật khi các BLQ chỉ được các cơ quan HĐCS huy động sự tham gia ở giai đoạn trước khi ban hành chính sách.

- Sự tham gia của doanh nghiệp vào giai đoạn Khởi sự chính sách chứng tỏ doanh nghiệp đang có lợi ích hoặc đang “tìm kiếm” lợi ích trong lĩnh vực này. Các cơ quan HĐCS cần coi đây là cơ hội, đồng thời cũng là thách thức và cần xây dựng kế hoạch thu hút sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp vào quy trình HĐCS.

- KH,CN&ĐMST là công cụ để doanh nghiệp đạt được mục tiêu tăng trưởng về doanh thu, lợi nhuận, vì vậy, doanh nghiệp thường không chú ý nhiều tới các khó khăn xét từ góc độ xã hội, môi trường. Đây chính là nguyên nhân xuyên suốt giải thích lý do ở các giai đoạn sau của quy trình HĐCS, mức độ tác động của doanh nghiệp trong tham gia xây dựng, thực hiện mục tiêu, giải pháp về xã hội, môi trường chỉ ở mức trung bình.

- Các cơ quan HĐCS về KH,CN&ĐMST đặt doanh nghiệp làm trung tâm và ngày càng nỗ lực huy động sự tham gia của doanh nghiệp vào quy trình HĐCS. Tuy nhiên, việc hiểu đặc thù và thế mạnh của từng loại hình doanh nghiệp là cần thiết để xây dựng kế hoạch huy động sự tham gia của doanh nghiệp như hình thức tham gia, mức độ tham gia vào quy trình HĐCS một cách hiệu quả.

4.3.3. Ảnh hưởng của doanh nghiệp tới kết quả của giai đoạn Xây dựng và ban hành chính sách

Doanh nghiệp ảnh hưởng ở mức độ **Trung bình** trong xác định các mục tiêu và giải pháp chính sách.

Hàm ý chính sách của kết quả đánh giá ảnh hưởng sự tham gia của doanh nghiệp vào giai đoạn Xây dựng và ban hành chính sách như sau:

- Do doanh nghiệp còn chưa quan tâm tham gia vào xây dựng và ban hành chính sách KH,CN&ĐMST nhằm thực hiện các mục tiêu môi trường và xã hội, nên các nhà HĐCS cần tìm kiếm các thông tin đầu vào khác và chủ động tạo ra các chủ đề thảo luận chuyên sâu về môi trường, xã hội để thu hút sự quan tâm của doanh nghiệp hoặc các hình thức thu hút sự tham gia khác.

- Đây là giai đoạn quan trọng quyết định sự tham gia của doanh nghiệp vào các giai đoạn tiếp theo của quy trình HĐCS. Bên cạnh yếu tố lợi ích của doanh nghiệp, sự minh bạch và niềm tin vào Chính phủ ảnh hưởng tới sự tham gia của doanh nghiệp vào quy trình HĐCS.

- Nhà nước cần ban hành các cơ chế khuyến khích cụ thể, phù hợp để khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng KH,CN&ĐMST vì các mục tiêu môi trường, xã hội.

- Doanh nghiệp trong lĩnh vực NLTT tham gia vào giai đoạn Xây dựng và ban hành chính sách là tín hiệu tích cực, chứng tỏ khó khăn, thách thức và nguyện vọng của doanh nghiệp đang được các cơ quan HĐCS lắng nghe, từng bước thể chế hoá trong các văn bản QPPL và vì vậy trong các giai đoạn sau của quy trình HĐCS sẽ thu hút sự tham gia của doanh nghiệp nhiều hơn.

4.3.4. Ảnh hưởng của doanh nghiệp tới kết quả của giai đoạn Thi hành chính sách

Doanh nghiệp ảnh hưởng ở mức độ **Trung bình** trong giai đoạn Thực thi chính sách. Tuy nhiên, doanh nghiệp chỉ thực sự quan tâm đến KH,CN&ĐMST khi các yếu tố sau đây đồng thời thoả mãn đó là lợi ích đạt được từ hoạt động KH,CN&ĐMST, năng lực KH,CN&ĐMST, nguồn lực cho KH,CN&ĐMST và hệ thống ĐMST hỗ trợ hiệu quả hoạt động KH,CN&ĐMST của doanh nghiệp. Hiện đây vẫn đang là những điểm yếu của Việt Nam và chính vì vậy hạn chế sự tham gia của doanh nghiệp trong thực thi chính sách KH,CN&ĐMST trong lĩnh vực này.

Hàm ý chính sách của kết quả đánh giá ảnh hưởng sự tham gia của doanh nghiệp vào giai đoạn Thi hành chính sách như sau:

- Mức độ tham gia của doanh nghiệp vào giai đoạn Thi hành chính sách là hệ quả của sự quan tâm của doanh nghiệp tới hoạt động KH,CN&ĐMST và chính sách KH,CN&ĐMST, của sự tin tưởng của doanh nghiệp vào tính minh bạch của chính sách và Chính phủ.

- Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh để doanh nghiệp phải nâng cao năng lực cạnh tranh dựa trên KH,CN&ĐMST, chính sách khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút nguồn lực đầu tư cho công nghệ, tăng cường liên kết doanh nghiệp với các viện nghiên cứu, trường đại học là những yếu tố quan trọng thúc đẩy sự quan tâm của doanh nghiệp đối với hoạt động KH,CN&ĐMST và thực thi chính sách KH,CN&ĐMST.

4.3.5. Ảnh hưởng của doanh nghiệp tới kết quả của giai đoạn Đánh giá chính sách

Sự tham gia của doanh nghiệp trong giai đoạn Đánh giá chính sách có những điểm tương đồng với giai đoạn Khởi sự chính sách, tuy nhiên, cũng như ở giai đoạn HĐCS trước đó, các đánh giá của doanh nghiệp ở góc độ vi mô và cần có sự kết hợp đánh giá của các BLQ khác để cung cấp đánh giá toàn diện, dựa trên luận cứ khoa học cho các cơ quan HĐCS. Mức độ ảnh hưởng của doanh nghiệp trong giai đoạn này là Trung bình.

Kết quả nghiên cứu Chương 4 cho thấy, mối quan hệ giữa sự tham gia của doanh nghiệp và kết quả của các giai đoạn trong quy trình HĐCS có mối quan hệ thuận chiều. Doanh nghiệp có ảnh hưởng cao hơn trong xác định, ban hành, thực thi và đánh giá mục tiêu, giải pháp chính sách KH,CN&ĐMST nhằm thực hiện các mục tiêu giảm chi phí, tăng lợi nhuận và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và có ảnh hưởng thấp hơn trong xác định, ban hành, thực thi và đánh giá mục tiêu, giải pháp chính sách KH,CN&ĐMST nhằm thực hiện các mục tiêu, giải pháp nhằm thực hiện các mục tiêu tạo công ăn việc làm bền vững, cung cấp năng lượng bền vững cho người dân ở các vùng có hoàn cảnh khó khăn, huy động sự tham gia của cộng đồng địa phương vào các sáng kiến KH,CN&ĐMST của doanh nghiệp...

CHƯƠNG 5

KHUYẾN NGHỊ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG ẢNH HƯỞNG CỦA DOANH NGHIỆP TỚI KẾT QUẢ CỦA QUY TRÌNH HĐCS KH,CN&ĐMST TRONG LĨNH VỰC NLTT Ở VIỆT NAM

5.1. Bối cảnh quốc tế, trong nước và vấn đề đặt ra đối với sự tham gia của doanh nghiệp vào quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST

5.1.1. Bối cảnh quốc tế

Biến đổi khí hậu, thiên tai diễn biến phức tạp, sự nóng lên toàn cầu, nước biển dâng, ô nhiễm, suy thoái môi trường tiếp tục đặt ra nhiều thách thức cho phát triển năng lượng bền vững. Bối cảnh phát triển năng lượng quốc tế tác động lớn đến phát triển

năng lượng của Việt Nam trong giai đoạn tới, đặc biệt là quá trình chuyển dịch năng lượng của đất nước nhằm hướng tới thực hiện mục tiêu trung hòa các-bon vào năm 2050.

5.1.2. Bối cảnh trong nước

5.1.2.1. Về tiến độ thực hiện các mục tiêu PTBV

Ở Việt Nam, Đảng và Nhà nước cam kết mạnh mẽ thực hiện Chương trình nghị sự 2030 của Liên hợp quốc vì sự PTBV với nền tảng là Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự PTBV với phương châm cốt lõi “không để ai bị bỏ lại phía sau”. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những khó khăn, thách thức đặt ra trong thực hiện các mục tiêu PTBV tại Việt Nam, đòi hỏi Việt Nam xây dựng, hoàn thiện các chính sách không chỉ thúc đẩy KH,CN&ĐMST mà còn định hướng sự phát triển của KH,CN&ĐMST phục vụ sự phát triển của NLTT.

5.1.2.2. Điểm nghẽn của phát triển NLTT và chính sách KH,CN&ĐMST trong lĩnh vực NLTT

Phát triển NLTT của Việt Nam đang đối mặt với 3 điểm nghẽn lớn: (i) Về cơ chế chính sách; (ii) Về kỹ thuật; (iii) Về vốn đối với các dự án NLTT. Hệ thống thể chế cho phát triển NLTT khá sơ khai không có nhiều lựa chọn và các hình thái hỗ trợ khác nhau; đặc biệt các chính sách có liên quan không chỉ trong phạm vi lĩnh vực KH&CN mà còn liên quan tới các ngành lĩnh vực khác như thuế, giáo dục- đào tạo như các chính sách về đầu tư, phát triển nhân lực và tiêu chuẩn hoá còn chưa theo kịp sự phát triển của lĩnh vực này.

5.1.3. Những vấn đề đặt ra đối với sự tham gia của doanh nghiệp vào quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST trong lĩnh vực NLTT ở Việt Nam

Hệ thống pháp luật quy định về sự tham gia của các BLQ trong quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST chưa quy định cụ thể các hình thức, cơ chế, cách thức thực hiện quyền tham gia của các BLQ và trách nhiệm giải trình của các chủ thể nhà nước với sự tham gia đó.

Sự quan tâm của doanh nghiệp tới hoạt động KH,CN&ĐMST trên thực tế chưa tương xứng với vai trò của doanh nghiệp, hầu hết doanh nghiệp NLTT đang tìm kiếm lợi nhuận dựa trên những ưu đãi của Nhà nước về thuế, giá điện, đất đai, cơ sở hạ tầng và do đó chưa tìm thấy lợi ích khi tham gia vào quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST.

Mặc dù doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong cung cấp thông tin đầu vào cho quy trình HĐCS, song còn thiếu vắng các đề xuất chính sách nhằm thực hiện các mục tiêu môi trường và xã hội.

5.2. Quan điểm và định hướng gia tăng sự tham gia của doanh nghiệp vào quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST trong lĩnh vực NLTT

- Cần hoàn thiện hệ thống pháp luật quy định về cơ chế phản hồi để tăng cường sự minh bạch của pháp luật và tin tưởng của doanh nghiệp đối với pháp luật.

- Cần có chính sách và sáng kiến phù hợp để phát huy được những điểm mạnh của các BLQ trong việc cùng hướng tới mục tiêu thúc đẩy KH,CN&ĐMST không chỉ phục vụ mà còn định hướng sự phát triển của lĩnh vực NLTT ở Việt Nam.

- Cần có biện pháp tạo động lực và áp lực đối với doanh nghiệp để thực hiện hoạt động KH,CN&ĐMST vì sự PTBV qua đó đẩy mạnh sự tham gia của doanh nghiệp vào quy trình HĐCS.

- Cần tiếp tục hoàn thiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong giải quyết các khó khăn làm ảnh hưởng tới năng lực KH,CN&ĐMST và chất lượng tham gia quy trình HĐCS của doanh nghiệp.

5.3. Khuyến nghị giải pháp tăng cường ảnh hưởng của doanh nghiệp tới kết quả của quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST trong lĩnh vực NLTT

5.3.1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật quy định về cơ chế phản hồi để tăng cường sự minh bạch của pháp luật và tin tưởng của doanh nghiệp đối với pháp luật

- Xây dựng cơ chế tiếp nhận, phản hồi các ý kiến góp ý và xem đó là một khâu bắt buộc trong quy trình lấy ý kiến trong quy trình chính sách.

- Cần tiếp tục cụ thể hóa các quy định về lấy ý kiến doanh nghiệp các BLQ trong các văn bản luật hiện hành.

- Nâng cao năng lực của các cơ quan HĐCS trong quy trình HĐCS nhằm đảm bảo thực hiện nguyên tắc cơ bản trong phương pháp tiếp cận về sự tham gia của các BLQ - nguyên tắc nguồn lực, đặc biệt lưu ý tới đặc thù liên ngành, đa ngành của lĩnh vực NLTT và vận dụng công nghệ thông tin vào quy trình HĐCS.

5.3.2. Thu hút chủ thể phù hợp tham gia vào quy trình HĐCS để xây dựng chính sách dựa trên bằng chứng và dựa trên cách tiếp cận tổng thể, bao trùm

Cần xác định mục tiêu và phạm vi của sự tham gia của doanh nghiệp nói riêng, các BLQ khác vào quy trình HĐCS và thiết kế các quy trình tham gia toàn diện để phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp trong lĩnh vực NLTT ở Việt Nam.

5.3.3. Tăng cường các sáng kiến huy động sự tham gia của doanh nghiệp và các BLQ khác vào hoạch định các chính sách KH,CN&ĐMST nhằm mục tiêu về môi trường và xã hội

Nhà nước nghiên cứu xây dựng các chương trình khuyến khích ĐMST mở như khuyến khích chia sẻ ý tưởng cho các chương trình nghiên cứu và đổi mới; khảo sát, thăm dò ý kiến về các vấn đề cần nghiên cứu; tổ chức các buổi trao đổi, tọa đàm xây dựng các kịch bản trong tương lai; huy động tham gia vào các chương trình KH&CN, tổ chức các giải thưởng về ĐMST; xây dựng các nền tảng hợp tác trực tuyến, xây dựng các phòng thí nghiệm sống...

5.3.4. Tăng cường các biện pháp tạo động lực và áp lực đối với doanh nghiệp để thực hiện hoạt động KH,CN&ĐMST vì sự PTBV qua đó đẩy mạnh sự tham gia của doanh nghiệp vào quy trình HĐCS

- Các biện pháp tạo động lực: Nâng cao năng lực hấp thụ KH,CN&ĐMST, hỗ trợ tài chính, thị trường, nhân lực.

- Các biện pháp tạo áp lực: Nhà nước xây dựng lộ trình chuyển đổi xanh, xây dựng các quy định để thực hiện cam kết Net Zero, phát triển kinh tế xanh buộc doanh nghiệp phải có lộ trình chuyển đổi và ứng dụng hoạt động KH,CN&ĐMST vào sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

5.3.5. Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực về NC&TK cũng như ĐMST trong NLTT để đáp ứng kịp thời nhu cầu nhân lực về KH,CN&ĐMST, nâng cao chất lượng tham gia quy trình HĐCS của các BLQ

- Xây dựng bản đồ công nghệ NLTT của Việt Nam để xác định năng lực công nghệ của Việt Nam và xây dựng định hướng phát triển.

- Xác định nhu cầu nhân lực về NC&TK cũng như ĐMST trong NLTT để xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực này.

KẾT LUẬN

Luận án “*Sự tham gia của các BLQ vào quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST trong lĩnh vực NLTT ở Việt Nam theo mô hình chính sách ĐMST chuyển đổi (Transformative Innovation Policy)*” đánh giá sự tham gia của các BLQ vào quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST trong lĩnh vực NLTT theo mô hình chính sách ĐMST chuyển đổi thông qua đánh giá mối quan hệ và ảnh hưởng của sự tham gia của BLQ đóng vai trò trung tâm trong hệ thống ĐMST tới kết quả đầu ra của từng giai đoạn trong quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST nhằm khuyến nghị cơ quan quản lý nhà nước các giải pháp tăng cường vai trò, ảnh hưởng của doanh nghiệp trong xây dựng, phản biện và giám sát thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách KH,CN&ĐMST vì PTBV.

Về lý luận, nghiên cứu đóng góp vào nghiên cứu về chính sách ĐMST chuyển đổi ở Việt Nam khi xây dựng cơ sở lý thuyết cho việc xác định các khía cạnh ảnh hưởng của sự tham gia của các BLQ tới kết quả đầu ra của từng giai đoạn trong quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST theo mô hình chính sách ĐMST chuyển đổi. Trong khi các cách tiếp cận truyền thống trước đây chủ yếu tập trung vào các kết quả đầu ra của các giai đoạn trong quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST là tăng trưởng kinh tế và năng lực cạnh tranh, nghiên cứu này đã xác định kết quả đầu ra theo mô hình ĐMST chuyển đổi cần đề cập cả khía cạnh về môi trường và xã hội để định hướng chính sách KH,CN&ĐMST giải quyết các thách thức lớn về PTBV. Theo đó, sự tham gia của các BLQ ảnh hưởng tới xác định, ban hành, thi hành, đánh giá: (1) các mục tiêu chính sách nhằm thúc đẩy KH,CN&ĐMST giải quyết các thách thức về xã hội, môi trường và kinh tế; (2) các giải pháp chính sách đa dạng, liên ngành và xuyên ngành để giải quyết thách thức lớn về xã hội, môi trường.

Nghiên cứu khẳng định mối quan hệ thuận chiều giữa sự tham gia của các BLQ đối với kết quả đầu ra của từng giai đoạn trong quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST, trên cơ sở đó, các nhà nghiên cứu về chính sách ĐMST chuyển đổi có thể tiếp tục nghiên cứu để khẳng định mối quan hệ trên ở các lĩnh vực khác nhau, các quốc gia khác nhau.

Về thực tiễn, trên cơ sở kết quả phân tích thực trạng về mối quan hệ và mức độ ảnh hưởng của sự tham gia doanh nghiệp là BLQ đóng vai trò trung tâm trong hệ thống ĐMST tới kết quả đầu ra của từng giai đoạn trong quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST trong lĩnh vực NLTT ở Việt Nam theo mô hình chính sách ĐMST chuyển đổi, Luận

án khuyến nghị 05 giải pháp đối với một số bộ, ngành thông qua xây dựng và ban hành các giải pháp vừa tạo động lực, vừa tạo áp lực để doanh nghiệp tham gia và nâng cao chất lượng tham gia và ảnh hưởng tới kết quả của quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST, để doanh nghiệp trở thành trung tâm của hoạt động KH,CN&ĐMST như Chiến lược phát triển KT-XH giai đoạn 2021-2030 đã đặt ra.

Đánh giá các điểm hạn chế và hướng nghiên cứu tiếp theo

Hạn chế của nghiên cứu: Chỉ nghiên cứu về sự tham gia của doanh nghiệp, chưa nghiên cứu về các BLQ khác do hạn chế về dữ liệu và nguồn lực; dữ liệu khảo sát từ doanh nghiệp trong nghiên cứu này phần lớn là định tính có thể gây ra các vấn đề về chất lượng phân tích về ảnh hưởng của sự tham gia của doanh nghiệp tới kết quả của các giai đoạn trong quy trình HĐCS; số lượng khảo sát để thu thập thông tin về sự tham gia của doanh nghiệp còn hạn chế.

Hướng nghiên cứu tiếp theo: Như đã phân tích trong Luận án, mức độ ảnh hưởng của doanh nghiệp phụ thuộc vào năng lực KH,CN&ĐMST của doanh nghiệp. Vì vậy, các nghiên cứu tiếp theo có thể nghiên cứu về ảnh hưởng của các doanh nghiệp theo quy mô tới kết quả của quy trình HĐCS KH,CN&ĐMST trong lĩnh vực NLTT hoặc trong các lĩnh vực khác tại các quốc gia có bối cảnh phát triển KT-XH khác với Việt Nam.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Dang Thu Giang, Hoang Minh, Bach Tan Sinh, Tran Quang Huy, “Transformative innovation policy: Theoretical review and initial implications for Vietnam”, *International Conference on science, technology and innovation policies and initiatives for sustainable development*, Hà Nội, 8/12/2022.

2. Dang Thu Giang, “Characteristics of transformative innovation policy and implications for stakeholder engagement in science technology and innovation policymaking process for sustainable development”, *International Conference on Human resources for sustainable development*, Hà Nội, 14-15/12/2023.

3. Dang Thu Giang, Bach Tan Sinh, Tran Quang Huy, “Shifting the role of stakeholders in science, technology and innovation policy making from the transformative innovation policy approach - the case of the renewable energy in Vietnam”, *International Conference "Approaches to the Twin Transitions: Digitalization and Climate Change in Developing Countries"*, thành phố Hồ Chí Minh, 30-31/7/2024.

4. Đặng Thu Giang, “Một số vấn đề về sự tham gia của các bên liên quan trong quy trình chính sách KH,CN&ĐMST trong bối cảnh mới”, *Tạp chí Chính sách và Quản lý KH&CN số 03/2023*.

5. Đặng Thu Giang, Bùi Ngọc Thu Hà, “Đặc điểm của khung chính sách ĐMST chuyển đổi và hàm ý đối với xây dựng chính sách KH,CN&ĐMST của Việt Nam”, *Tạp chí Chính sách và Quản lý KH&CN số 3/2022*, trang 85-102.

6. Đặng Thu Giang, Bùi Ngọc Thu Hà, “Chính sách đổi mới sáng tạo chuyển đổi: Một số lý luận và kinh nghiệm quốc tế”, *Tạp chí Chính sách và Quản lý KH&CN, số 4/2022*, trang 77-93.